TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cảnh

2. Ông Thông Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Duy Khánh là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông Mai văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lưu Thị Hồng H – chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh H (theo Quyết định số 389 ngày 23/3/2021).

Địa chỉ: thôn T, xã L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Trần Văn G – chức vụ: Phó Giám đốc Agribank chi nhánh H (theo Giấy ủy quyền ngày 06/01/2022).

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

+ Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Ngọc M – chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C (Theo Quyết định số 7300 ngày 19/9/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Trần P – chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C (theo Giấy ủy quyền số 83 ngày 08/6/2021).

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và lời khai ban đầu, bà xác định giữa bà và ông Mai Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1981, không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N xác định giữa bà và ông Mai Văn T tìm hiểu, yêu thương và chung sống từ năm 1981, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông Mai Văn T thường xuyên nhậu nhẹt rồi đánh đập bà, vợ chồng bất đồng quan điểm và từ lâu không còn chung sống với nhau. Do không còn tình cảm với ông Mai Văn T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Mai Văn T có có 05 con chung tên Mai Thị H – sinh năm 1982, Mai Văn H – sinh năm 1987, Mai Văn H– sinh năm 1989, Mai Văn H – sinh năm 1991, Mai Thị T – sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Mai Văn T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Mai Văn T có vay Ngân hàng N số tiền 200.000.000 đồng để phát triển kinh tế gia đình và vay của Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đồng để làm công trình nước sạch của gia đình. Các khoản nợ này bà và ông Mai Văn T thực hiện việc trả nợ gốc và tiền lãi đúng quy định, đến nay chưa đến hạn tất toán hợp đồng tín dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định có yêu thương và chung sống với bà Nguyễn Thị N từ năm 1981, đến 2002 ông và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Mương M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Trong quá

trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng ông không biết nguyên nhân gì bà Nguyễn Thị N bỏ nhà đi, từ lâu vợ chồng không còn quan tâm hay yêu thương nhau nữa, ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị N có có 05 con chung tên Mai Thị H – sinh năm 1982, Mai Văn H – sinh năm 1987, Mai Văn H2 – sinh năm 1989, Mai Văn H3 – sinh năm 1991, Mai Thị T – sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị N có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hàm Mỹ số tiền 200.000.000 đồng để phát triển kinh tế gia đình và vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Thuận Nam số tiền 20.000.000 đồng để làm công trình nước sạch của gia đình. Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị N cùng ông có nghĩa vụ trả các khoản nợ này nếu phía ngân hàng có yêu cầu. Ngoài ra, ông xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án và có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hàm Mỹ do ông Trần Văn G đại diện trình bày:

Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị N có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hàm Mỹ số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4806-LAV-2019-03657 ngày 18/10/2019 với thời hạn 36 tháng, hạn cuối cùng để tất toán khoản vay vào ngày 18/10/2022. Ông T và bà N thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng, không vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên ngân hàng không có yêu cầu độc lập và có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt trong vụ án này.

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Thuận Nam do ông Trần Phước đại diện trình bày:

Năm 2019 ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Ncó vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Thuận Nam số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, hạn cuối tất toán khoản vay là ngày 19/6/2024. Ông T và bà N thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên ngân hàng không có yêu cầu độc lập yêu cầu trả nợ, đồng thời có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật; Đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân: Xét thấy mục đích hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà Nguyễn Thị N và cho bà Nguyễn Thị Nly hôn với ông Mai Văn Tuyển; về con chung: Các con chung của nguyên đơn và bị đơn đã trưởng thành và tự lập được, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ vay phía ngân hàng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn".

[1.2] Bị đơn ông Mai Văn T cư trú ở thôn Đ, xã M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T đều xác định vợ chồng từ lâu không còn chung sống với nhau, không còn yêu thương nhau và có ý kiến thống nhất đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nvà ông Mai Văn T không đạt được, cả hai bên đều không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và yêu cầu được ly hôn, căn cứ quy định tại 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Mai Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào về con chung, tuy nhiên căn cứ lời khai thống nhất của hai bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để khẳng định giữa bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T có 05 người con chung đến nay đã trưởng thành và tự lập được, các đương sự không có yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T đều xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hàm Mỹ và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh

huyện Hàm Thuận Nam không yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Mai Văn T trả nợ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, giữa các bên phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Mai Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000120 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương